

To enjoy your life !

ESCORT[®]
SECURITY SYSTEM



HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SPEED DOME

ESC-E806HIR

Mọi thắc mắc xin vui lòng liên hệ email support@escort.com.vn

www.escort.com.vn

A. Giới Thiệu:

I. Tính năng cơ bản:

- Hiện thị thời gian hiện hành.
- Đặt tên cho từng Camera.
- Tùy chọn điều chỉnh tăng giảm công suất phát sáng đèn hồng ngoại.
- Thiết lập lịch trình tự động tắt / mở đèn hồng ngoại trong ngày.
- Thiết lập mật khẩu vào Menu Camera.
- Tùy chọn giới hạn góc quét cho Camera.
- Thiết lập 8 nhóm quét điểm(Cruise Scan): 32 điểm/nhóm
- Điều chỉnh tốc độ quét điểm: Thấp/trung bình/cao.
- Thiết lập 8 vòng quét giới hạn giữa 2 điểm (Limit Scan).
- Thiết lập tốc độ vòng quét giới hạn giữa 2 điểm: 1-30 cấp độ từ chậm đến nhanh.
- Thiết lập 4 mẫu quét tùy ý (Pattern) : 600 giây/ mẫu.
- Thiết lập lịch trình tự động điều khiển hoạt động của Speed dome giữa các ngày trong tuần : 8 đoạn/ ngày.
- Thiết lập vùng phát hiện chuyển động : 8 vùng.
- Thiết lập 2 cổng báo động vào (NC/NO) và 1 cổng báo động ra (NC/NO).

II. Thông số kỹ thuật:

Model	Speed dome ESC-E806HIR
Cảm biến hình	1/3 “CCD
Hệ màu	PAL/NTSC
Độ phân giải	700 TVL
Ánh sáng tối thiểu	Color to B/W, Color 0.05LUX, B/W 0.001LUX
S/N ratio	≥ 60dB
Backlight	ON/OFF
White Balance	Auto
Electronic Shutter	1/50 – 1/12000s
Focus Length	3 – 90mm
Zoom Optical	30X
Preset	254
Cruise Scan(quét điểm)	8 Nhóm điểm, 32 điểm/Nhóm.
Quét giới hạn(A-B)	8Nhóm
Thiết lập mẫu vòng quét (Pattern)	4 mẫu, lưu được 600 giây/mẫu
Địa chỉ	000-255
Góc xoay	Ngang: 360 ⁰ , Dọc: 90 ⁰ .
Tốc độ xoay	Ngang : 0.01 ⁰ -400 ⁰ /s Dọc: 0.01 ⁰ - 120 ⁰ /s
Giao Thức	Pelco-D và Pecol –P
Nguồn cấp	DC12V/4A
Material	Aluminum shell, Waterproof IP66
Nhiệt độ và độ ẩm làm việc	-30 ⁰ C - +60 ⁰ C; 90%
Ngôn ngữ	Tiếng anh

Trang 2

Mọi thắc mắc xin vui lòng liên hệ email support@escort.com.vn

B.Hướng Dẫn Sử Dụng :

I.Thiết lập ID , Giao thức, Tốc độ truyền :

Lưu ý: Trên Mainboard có 2 Switch.: Switch 1 và Switch 2

a/Thiết lập ID : xét Switch 2: DIP1 – DIP8:

ID	DIP1	DIP2	DIP3	DIP4	DIP5	DIP6	DIP7	DIP8
01	ON	OFF	OFF	OFF	OFF	OFF	OFF	OFF
02	OFF	ON	OFF	OFF	OFF	OFF	OFF	OFF
03	ON	ON	OFF	OFF	OFF	OFF	OFF	OFF
04	OFF	OFF	ON	OFF	OFF	OFF	OFF	OFF
05	ON	OFF	ON	OFF	OFF	OFF	OFF	OFF
06	OFF	ON	ON	OFF	OFF	OFF	OFF	OFF
07	ON	ON	ON	OFF	OFF	OFF	OFF	OFF
08	OFF	OFF	OFF	ON	OFF	OFF	OFF	OFF
09	ON	OFF	OFF	ON	OFF	OFF	OFF	OFF
10	OFF	ON	OFF	ON	OFF	OFF	OFF	OFF
11	ON	ON	OFF	ON	OFF	OFF	OFF	OFF
12	OFF	OFF	ON	ON	OFF	OFF	OFF	OFF
...
255	ON	ON	ON	ON	ON	ON	ON	ON

b/Thiết lập Protocol (Giao thức): Xét Switch 1 : DIP1 – DIP4

Giao thức	DIP1	DIP2	DIP3	DIP4
Pelco - D	OFF	ON	OFF	OFF
Pelco – P	ON	OFF	OFF	OFF
HS	OFF	OFF	OFF	OFF

c/Thiết lập Baudrate (Tốc độ truyền): Xét Switch 1 : DIP5 – DIP6

Tốc độ truyền	DIP5	DIP6
2400	OFF	ON
4800	ON	OFF
9600	OFF	OFF

II. Hướng dẫn sử dụng các lệnh điều khiển

Lệnh điều khiển	Tính Năng
Call 99	Quét vòng quét giới hạn giữa 2 điểm (Quét Vòng quét 1)
Call 98	Quét nhóm điểm 1
Call 97	Quét mẫu quét 1
Call 80 + Call (nhóm vòng quét: 1-8) + Call 99.	Quét vòng quét giới hạn giữa 2 điểm (Scan Limit A-B) Ví dụ: Quét vòng quét 2. Call 80 + Call 2 + Call 99 Quét vòng quét 3. Call 80 + Call 3 + Call 99.
Call 80 + Call (Nhóm điểm :1-8) + Call 98.	Quét nhóm điểm(Cruise Scan) Ví dụ: Quét Nhóm điểm 2. Call 80 + Call 2 + Call 98 Quét vòng quét 3. Call 80 + Call 3 + Call 98.
Call 80 + Call (Nhóm mẫu quét tùy ý :1-4) + Call 98.	Quét mẫu quét tùy ý (Pattern) Ví dụ: Quét mẫu quét thứ 2. Call 80 + Call 2 + Call 97 Quét vòng quét 3. Call 80 + Call 3 + Call 97.
Call 96	Thoát khỏi Menu Camera.
Call 95	Vào Menu Camera
Call 94	Khởi động lại Camera
Call 82	Khôi phục lại mặc định ban đầu.

Giải thích các thuật ngữ :

- Preset : thiết lập những điểm đặt trước.
- Call : gọi lại điểm đặt trước.
- Cruise Scan : Quét những điểm đặt trước. Có 8 nhóm điểm, mỗi nhóm lưu 32 điểm đặt trước. Và có thể tự động quét những điểm đặt trước này để chạy từ điểm này sang điểm khác được lưu trong mỗi nhóm với khoảng thời gian khác nhau.
- A-B Scan : quét vòng giới hạn từ A-B.
- Pattern Scan: Quét mẫu đã được ghi lại tùy ý cho CMR
- IRIS Open (+): Chọn chế độ.
- IRIS Close (-): Bỏ chế độ

III.Hướng dẫn lập trình trong Menu của Camera:

Nhấn **Call 95** để vào Menu Camera:

Menu
LANGUAGE : ENGLISH
<SYSTEM INFORMATION>
<DISPLAY SETUP>
<DOME SETTINGS>
<CAMERA>
<MOTION>
RESTART
FACTORY DEFAULTS
HELP
EXIT

Hình 3.4 Thiết lập chức năng đèn hồng ngoại.

1/LANGUAGE: Ngôn ngữ.

Nhấn Phím IRIS+ để thay đổi ngôn ngữ: Anh /Hoa

To enjoy your life !

2/SYSTEM INFORMATION: thông tin hệ thống.

Nhấn IRIS+ để chọn SYSTEM INFORMATION.

SYSTEM INFORMATION
Dome ID : 1234567890
Address: 001
Baurate : 2400, N, 8, 1.
Protocol: Pelco D.
Temperature : 31 ⁰ C
<Other>
Back
Exit

Người sử dụng có thể kiểm tra thông tin hệ thống

Camera gồm :

- Địa chỉ của Camera: **Address**

-Tốc độ truyền : **Baurate.**

- Giao thức: **Protocol**

- Nhiệt độ : **Temperature**

- Tiêu đề Camera: **Title**

- Phiên Bản: **Version.**

-Thời gian: **Date /Time**

-Đơn vị nhiệt độ: **Time Scale.**

OTHERS
Titile: DOME
Version : V28200.
Date : 2013-01-09
Time: 15: 11 : 45
Time Scale : Celsius
Back
Exit

-Back: Trở về trang trước.

-Exit: Thoát khỏi Menu

3/DISPLAY SETUP: Thiết lập hiển thị.

Nhấn IRIS+ để chọn .**DISPLAY SETUP.**

DISPLAY SETUP
Dome title: OFF
Preset : 5 Sec
Motion: 5 Sec
Zone: 5 Sec
Date/Time : On
Pal/Tilt: 5 Sec
<Other>
<Display Position>
Back
Exit

Người sử dụng có thể thiết lập cách hiển thị trên màn hình.

- Dome title: ON/OFF : Tùy chọn Tắt/Mở hiển thị tên Camera.

-Preset : Tùy chọn hiển thị thời gian điểm Preset : ON/OFF/2 giây/5 giây/10 giây.

- Motion: Tùy chọn hiển thị thời gian điểm chuyển động : ON/OFF/2 giây/5 giây/10 giây.

- Date/Time: Tùy chọn hiển thị ngày,tháng,năm,giờ, phút, giây : ON/OFF/2 giây/5 giây/10 giây

- Pal/Tilt: Tùy chọn hiển thị góc độ xoay : ON/OFF/2 giây/5 giây/10 giây

-Thời gian: **Date /Time**

OTHERS
Alarm : 5 Sec
IR led Info: 5 Sec
Prompt : On
Back
Exit

-IR led info: Tùy chọn hiển thị thông tin công suất phát hồng ngoại : ON/OFF/2 giây/5 giây/10 giây.

-Prompt: ON/OFF: Tùy chọn Tắt/Mở hiển thị cảnh báo.

DISPLAY POSITION
<Date/Time>
<Dome Title>
<Zone>
<Motion>
<Alarm>
<Pan/Tilt>
Back
Exit

Tùy chọn vị trí hiển thị : Thời gian, Tiêu đề Camera, Zone, Chuyển động, Báo động, Pan/Tilt.

Sử dụng các phím ←,→,↑,↓ hoặc bàn điều khiển để dịch chuyển vị trí hiển thị. Nhấn IRIS+ để lưu .

4/Dome Setting: thiết lập các thông số cho Camera.

Nhấn IRIS+ để chọn Dome Setting:

DOME SETTING
<IR Led>
<IDLE>
<Alarm>
<Privacy Mask>
<Clock>
<Password>
<Advanced>
<Other>
Back
Exit

- IR Led:** Thiết lập chế độ hồng ngoại.
- IDLE :** Thiết lập cho Camera tự kích hoạt chạy các mẫu quét đã được đặt trước, khi Camera không được nhận bất kỳ điều khiển nào từ người dùng.
- Alarm: Hỗ trợ loại báo động cảm biến có dây (NC/NO).**
- Privacy Mask : Không hỗ trợ.**
- Clock:** Thiết lập thay đổi thời gian hiện hành.
- Password:** Thiết lập mật khẩu Menu cho Camera
- Advanced:** Nâng cao.
- Other:** Khác.

IR Led setting
Control mode: Auto
Sensitivity: 3
Output: Auto.
Near Power: 90%
Far Power: 90%
Auto Control: Off.
<Auto control>
<Advanced>
Back
Exit

- A. IR Led Setting**
- 1/**Control Mode:** Chế độ điều khiển.
 - **Auto :** Đèn hồng ngoại sẽ tự động Mở/Tắt theo điều kiện ánh sáng.
 - **Timing :** Đèn hồng ngoại sẽ tự động Mở/Tắt theo lịch trình thời gian đã cài đặt trước.
 - **On /OFF :** Mở/Tắt đèn hồng ngoại.
 - 2/**Sensitivity:** Điều chỉnh độ nhạy hồng ngoại.
 - Độ nhạy từ 1-5: Chỉ số độ nhạy càng cao thì đèn hồng ngoại càng nhạy.
 - 3/**Output:** Nhấn IRIS+ để chọn và dùng phím **↑,↓** để thay đổi trạng thái Auto/Normal.
 - 4/**Near Power:** Thiết lập công suất phát đèn hồng ngoại

Auto Control
Stanby Power: 60%
Stanby Delay : 10Sec
Sensitivity: MID
Back
Exit

- khi quan sát gần. (0% - 100%)
- 5/**Far Power:** Thiết lập công suất phát đèn hồng ngoại khi quan sát xa. (0% - 100%)
 - 6/**Auto control:** ON/OFF: Mở/Tắt chế độ tự động điều khiển.
 - Stanby Power: 0-80%
 - Stanby Delay: 10 giây/1 phút/5 phút/ 30 Phút
 - Sensitivity : Low/Mid/high

Advanced Setting
Enhanced : Static
Compensation : 20%
Start time: 00:00
Stop time: 00:00
Back
Exit

7/Advanced Setting: Thiết lập gia tăng sử dụng đèn hồng ngoại.

Lưu ý: Bình thường, Camera chỉ sử dụng 4 Led hồng ngoại để quan sát ban đêm để giảm chi phí điện khi muốn quan sát gần. **Advanced Setting** sẽ gia tăng thêm việc sử dụng hết các đèn led còn lại giúp người sử dụng quan sát ban đêm ở khoảng cách xa hơn.

-Enhanced: Static/Dynamic: người dùng có thể chọn ở trạng thái tĩnh/ Chuẩn.

-Compensation: 0-30%: Tùy chọn để gia tăng thêm việc sử dụng các đèn Led.

0%: chỉ sử dụng 4 đèn led hồng ngoại

10%-30%: gia tăng dần công suất việc sử dụng các đèn led còn lại.

-Start time/Stop time: Thời gian bắt đầu/Kết thúc lịch trình tự động mở đèn Led hồng ngoại cho các ngày trong tuần.

B. IDLE: Thiết lập cho Camera tự động chạy các chương trình hoạt động được đặt trước, khi Camera không được nhận bất kỳ điều khiển nào từ người dùng.

-Time: Tùy chọn thiết lập thời gian đợi (**30 giây/ 1 phút/ 5 phút/ 10 phút/30 phút**). Khi người dùng không thực hiện bất kỳ lệnh điều khiển nào đến Camera .Sau khoảng thời gian đợi này, Camera sẽ tự kích hoạt chạy các mẫu quét đã đặt trước.

-Action: Tùy chọn các mẫu quét đã đặt trước.

None: đứng tại chỗ, không chạy hoạt động nào.

Preset 1: Chạy đến điểm đặt trước thứ 1.

Scan 1: Quét vòng quét giới hạn 1

Sequence: Quét nhóm điểm 1.

Pattern 1 : Quét mẫu quét tùy ý 1

IDLE ACTION
Time: 30 Sec
Action : None
Back
Exit

C.ALARM: Thiết lập báo động, kết nối với các thiết bị cảm biến có dây.

ALARM SETTING
Alarm No. : 1
Contact: N/O
Alarm Mode: ON
Action: None.
Alarm Out: OFF.
Reset Delay: 10 Sec
Start Time: 00:00
Stop Time: 00:00
Back
Exit

-Alarm No. : Nhấn IRIS+ để chọn thiết lập cổng báo động vào (Cổng 1 hoặc cổng 2).

-Contact : Tùy chọn chế độ cổng báo động vào.

N/O: chọn chế độ cổng vào thường hở.

N/C: chọn chế độ cổng vào thường đóng.

-Alarm Mode: ON/OFF: Mở/Tắt chế độ báo động.

-Action: Tùy chọn các mẫu quét đã đặt trước.

None: đứng tại chỗ, không chạy hoạt động nào.

Preset 2: Chạy đến điểm đặt trước thứ 2.

Scan 1: Quét vòng quét giới hạn 1

Seq 1: Quét nhóm điểm 1.

Pattern 1 : Quét mẫu quét tùy ý 1

-Alarm Out : OFF/Out1: Tắt/Mở chế độ báo động ra.

-Reset Delay: Thiết lập độ dài thời gian báo động với

10 giây, 30 giây, 1 phút, 2 phút, 5 phút, 10 phút.

-Start Time/ Stop Time: Thiết lập lịch trình thời gian tự động bắt đầu vào chế độ báo động và kết thúc báo động giữa các ngày trong tuần Khi chọn **Alarm Mode: Auto**

D. CLOCK : Thiết lập ngày giờ hiện hành cho Camera

DATE/TIME	
Date: 2013-01-09	
Time : 15:11	
Calibration: 248	
Save	Cancel

-Date: Thiết lập Năm/Tháng/Ngày cho Camera.

-Time: Thiết lập giờ phút cho Camera.

-Calibration: hiệu chuẩn

-Save: Lưu lại

-Cancel: Bỏ Lưu

E. PASSWORD: Thiết lập mật khẩu Menu cho Camera:

PASSWORD
<Edit Password>
Enable: OFF
Back
Exit

-Edit Password: Thay đổi mật khẩu

-Enable: ON (Mở), OFF(Tắt)

Input old Password	
Input: ←	-----
Number	0123456789
OK	Cancle

Input Old Password: Nhập mật khẩu cũ. Chọn số trên dãy **Number**. Nhấn Iris+ để chọn.

Input New Password	
Input: ←	-----
Number	0123456789
OK	Cancle

Input New Password: Nhập mật khẩu mới. Chọn số trên dãy **Number**. Nhấn Iris+ để chọn.

OK: Lưu lại
Cancle: Bỏ lưu

F. ADVANCED: Nâng cao

ADVANCED
<Soft Address Set>
<Aux>
<Soft Limit>
<Power on action>
<Camera>
<Communication Test>
Back
Exit

-**Soft address Set**: Thiết lập địa chỉ cho Camera bằng phần mềm.

-**Aux**: **không dùng**.

-**Soft Limit**: Thiết lập khoảng vòng quét giới hạn cho Camera bằng phần mềm.

-**Power On Action**: Tùy chọn kích hoạt chạy các mẫu quét đã đặt trước cho Camera sau khi khởi động nguồn.

G.OTHERS: Chức năng khác

OTHERS
Tem Mode: Auto Preset Freeze: OFF Auto Flip: ON Stop Time: 30Sec Menu Off Time: 5 Min <Dome Title> <Azimuth Zero> Back Exit

-Tem Mode: Điều chỉnh tốc độ quạt giải nhiệt cho Camera.

Auto: chế độ tự động thay đổi tốc độ quạt tùy khả năng phát nhiệt của Camera.

Cool 1: Tốc độ quạt luôn thấp.

Cool 2: Tốc độ quạt luôn cao.

-Auto Flip: Chế độ lật hình 180⁰

ON: Mở; **OFF:** Tắt

-Menu Off Time: Thiết lập thời gian Menu tự động thoát khi không tiếp tục lập trình (1 phút/ 2 phút/ 5 phút/ 10 phút).

Dome Title Set
Input: ← ----- Caps A B C D E F G H I J K L M N O P Q R S T U V W X Y Z. ← OK Cancele

-Dome Title: Đặt tên tiêu đề Camera

Bấm IRIS+ để chọn các chữ cái trên dòng Caps

-OK: Để lưu lại.

-Cancele: Thoát

Azimuth Zero
IRIS OPEN TO CONFIRM

-Azimuth Zero: Chọn gốc tọa độ 0 cho Camera.

Quay Camera đến vị trí thích hợp tùy ý người dùng chọn làm gốc tọa độ 0⁰ và nhấn IRIS+ để lưu lại

5/CAMERA: Thiết lập các thông số cho Camera.

CAMERA SETTING
Focus mode: Auto Digital Zoom: OFF Backlight: OFF Picture Flip: OFF Freeze: OFF Zoom speed: Normal Day Night : Auto <Advanced> Back Exit

-Focus Mode: Chế độ hội tụ hình ảnh.

Auto: tự động.

Manual: Bằng tay

-Digital Zoom: không hỗ trợ.

-Backlight: Gia tăng độ sáng cho Camera.

ON: Mở; **OFF:** Tắt.

-Picture Flip: chức năng lật hình đối xứng theo chiều ngang.

-Zoom Speed : điều chỉnh tốc độ phóng to hình.

-Day Night: Auto: tự động chuyển đổi ngày đêm

6/MOTION: Thiết lập các mẫu quét đặt trước

MOTION
<Preset>
<Scan>
<Sequence>
<Pattern>
<Zone>
<Timing action>
<Motion Detect>
Back
Exit

- Preset:** Thiết lập điểm đặt trước
- Scan:** Thiết lập mẫu quét giới hạn giữa 2 điểm.
- Sequence:** Thiết lập quét nhóm điểm.
- Pattern:** Thiết lập mẫu quét tùy ý.
- Timing Action:** Thiết lập lịch trình tự động kích hoạt chạy các mẫu quét đặt trước cho các ngày trong tuần.
- Motion Detect:** Phát hiện chuyển động.

A.PRESET: Thiết lập điểm đặt trước

PRESET
Preset No: 001
Title : Preset01
Call
<Set>
Delete
Speed: High
Back
Exit

- Preset No:** thứ tự điểm : 001-255 điểm
- Title:** Nhấn IRIS+ đặt tên cho điểm .
- Call:** Chạy đến điểm đã thiết lập
- Set:** Bắt đầu thiết lập điểm. Xoay Camera đến vị trí điểm cần quan sát và nhấn IRIS+ để lưu điểm.
- Delete:** Xóa điểm.
- Speed:** Điều chỉnh tốc độ chạy của điểm
Low/Mid/High: Tốc độ Thấp/trung bình/Cao

B.SCAN: Thiết lập mẫu quét giới hạn giữa 2 điểm (Limit Scan)

SCAN
Scan No: 1
Title : Scan 1
Start
<Left Limit>
<Right Limit>
Scan Speed : 20
Back
Exit

- Scan No:** chọn thứ tự mẫu quét giới hạn: 1-8 mẫu quét
- Title:** Nhấn IRIS+ để đặt tên cho mẫu quét
- Start:** Bắt đầu thiết lập mẫu quét.
<Left Limit>: Nhấn IRIS+ và bắt đầu quét Camera về bên trái tới điểm giới hạn cần chọn để quan sát.Nhấn IRIS+ để lưu.
<Right Limit>: Nhấn IRIS+ và bắt đầu quét

Camera về bên phải tới điểm giới hạn cần chọn để quan sát.Nhấn IRIS+ để lưu.

- Scan Speed:** Điều chỉnh tốc độ quét: 01-30 cấp độ.

Cấp độ càng cao thì tốc độ quét càng nhanh.

C.SEQUENCE: Thiết lập quét từng điểm trong nhóm.

SEQUENCE
SEQ No: 1
Title : SEQ
Start
<Sequence Set>
Delete
Back
Exit

-Seq No: Chọn thứ tự nhóm điểm :1-8 nhóm (32 điểm/nhóm).

-Title: Nhấn IRIS+ để đặt tên cho nhóm.

-Start: Bắt đầu thiết lập nhóm

<Sequence Set>: Nhấn IRIS+ để vào thiết lập

SEQUENCE SET				
	No.	Preset	Interval	
	>>01	---	---	
	02	---	---	
	03	---	---	
	04	---	---	
	05	---	---	
	06	---	---	
Edit	< 01>	<001>	<05>	<INS>
Back				
Exit				

-No. :Hiện thị thứ tự vị trí từng điểm trong nhóm (32 điểm/nhóm).

-Preset: Hiện thị điểm đặt trước (001-225 điểm) vào từng vị trí theo thứ tự điểm của nhóm.

-Interval: Hiện thị khoảng thời gian cần lưu điểm, để quét đến điểm kế tiếp trong nhóm (1/3/5/10/20/60 giây).

<01>: Nhấn IRIS+ để chọn và sử dụng phím ↑,↓ hoặc bàn điều khiển thay đổi thứ tự vị trí điểm.

<001>: Nhấn IRIS+ để chọn và sử dụng phím ↑,↓ hoặc bàn điều khiển để chọn tùy ý điểm đã đặt trước vào thứ tự vị trí. (điểm đặt trước: 001-225 điểm).

<05>: Nhấn IRIS+ để chọn và sử dụng phím ↑,↓ hoặc bàn điều khiển để thay đổi thời gian lưu điểm :1/3/5/10/20/30/60giây

<INS>: Nhấn IRIS+ để lưu thứ tự vị trí/điểm đặt trước/ thời gian lưu điểm vào nhóm.Và sau đó, tất cả sẽ được hiển thị trên màn hình.

Lưu ý: Sử dụng phím ←,→ hoặc bàn điều khiển để chuyển qua lập trình từng phần.

D.PATTERN: Thiết lập mẫu quét tùy ý

PATTERN	
Pattern No: 1	
Title : Pattern 1	
Start	
<Set>	
Delete	
Back	
Exit	

-Pattern No. : Chọn thứ tự mẫu quét tùy ý :1-4 mẫu.

-Title: Nhấn IRIS+ để đặt tên cho mẫu quét.

-Start: Bắt đầu thiết lập mẫu quét.

<Set>: Nhấn IRIS+ và bắt đầu điều khiển Camera để ghi mẫu quét tùy ý. Người dùng có thể quay phải/trái/lên/xuống/phóng to/thu nhỏ tùy ý mẫu quét để

ghi lại trong khoảng thời gian 600 giây.Sau đó, nhấn IRIS+ lần nữa để lưu lại mẫu quét này.

-Delete: Xóa mẫu quét.

E.TIMING ACTION: Thiết lập lịch trình để Camera tự kích hoạt chạy các mẫu quét đặt trước theo đúng thời gian cài đặt trước cho các ngày trong tuần.

TIMING ACTION			
No.	Start	Stop	Motion
1	00 : 00	00 : 00	NONE
2	00 : 00	00 : 00	NONE
3	00 : 00	00 : 00	NONE
4	00 : 00	00 : 00	NONE
5	00 : 00	00 : 00	NONE
6	00 : 00	00 : 00	NONE
7	00 : 00	00 : 00	NONE
8	00 : 00	00 : 00	NONE
OFF	MON	COPY	BACK

-No. : Chọn đoạn thời gian trong ngày (1-8 đoạn).

-Start: 00 : 00(giờ :phút) :Chọn thời gian bắt đầu cho Camera tự kích hoạt chạy mẫu quét đặt trước cho từng đoạn thời gian.

-Stop: 00 : 00(giờ :phút): Chọn thời gian kết thúc cho Camera ngưng chạy mẫu quét đặt trước cho từng đoạn thời gian.

-Motion: Tùy chọn các mẫu quét đặt trước.

NONE: Đứng tại chỗ, không chọn kích hoạt mẫu quét nào.

Pset 1 – Pset 8: Tùy chọn kích hoạt chạy đến điểm đặt trước (điểm 1- điểm 8).

Scan 1- Scan 4: Tùy chọn kích hoạt chạy mẫu quét giới hạn giữa 2 điểm (mẫu 1- 4).

SEQ1 – SEQ4: Tùy chọn kích hoạt chạy mẫu quét các nhóm điểm (nhóm 1- 4).

Trang 15

- PATT1 – PATT4:** Tùy chọn kích hoạt chạy mẫu quét giới hạn giữa 2 điểm (mẫu 1- 4).
-ON/OFF: Nhấn IRIS+ Tùy chọn MỞ/TẮT sử dụng chức năng lịch trình.
-MON: Nhấn IRIS+ và sử dụng phím ↑, ↓ để thay đổi chọn các ngày trong tuần từ thứ 2 đến chủ nhật.
-COPY: Sao chép các đoạn thời gian qua các ngày khác.
-Back: Trở về trang trước.

F.MOTION DETECT: Dò tìm chuyển động.

MOTION DETECT
Scene No. : 1
<Edit Scene>
<Edit area>
<Delete Scene>
Aux Active: Off
Cancel time(s) :10
<Start>
Back
Exit

- Scene No.:** Chọn thứ tự vùng (1-8 vùng).
-Edit Scene: Nhấn IRIS+ để quay Camera về vị trí quan sát cần dò tìm
-Edit area : Đánh dấu khu vực cần dò tìm.
-Delete Scene: Xóa vùng cần dò tìm
-Start: Bắt đầu vào chế độ dò tìm.

AREA EDIT
Area No. : 1
<Area Edit>
Delete
Sensitivity : MID
Back
Exit

- Area No. :** Chọn thứ tự khu vực cần dò tìm (1-4 khu vực)
-Area Edit : Đánh dấu khu vực cần dò tìm. Nhấn IRIS+ để dẫn khu vực rộng thêm. Nhấn IRIS+ lần nữa để lưu.
-Delete : Xóa khu vực cần dò tìm.
-Sensitivity: Điều chỉnh độ nhạy phát hiện:
-Low/Mid/High: Thấp/Trung bình/Cao

7/RESTART:

- Nhấn IRIS+ chọn OK để bắt đầu khởi động lại Camera.

8/FACTORY DEFAULTS:

- Nhấn IRIS+ chọn Ok, Camera sẽ xóa tất cả những gì đã lập trình và trở về thông số mặt định ban đầu của nhà sản xuất.

9/HELP: Hướng dẫn các thao tác khi sử dụng bàn khiển để điều khiển Camera.

Menu Operation help

- 1.Call Preset 95 to Menu
- 2.Move Joystick to select menu Item
- 3.IRIS open to Enter Edit Mode.
- 4.Move Joystick to Edit parameters.
- 5.IRIS Open to Confirm

Back

Exit

1. **Nhấn Shot 95 để vào Menu Camera.**
2. **Di chuyển cần điều khiển đến Menu cần lập trình.**
3. **Nhấn IRIS+ để chọn Menu cần lập trình**
4. **Di chuyển cần điều khiển để bắt đầu lập trình thay đổi thông số.**
5. **Nhấn IRIS+ để lưu lại lập trình.**



日本 の 技術
TECHNOLOGY OF JAPAN